

Bản án số: 1833/2026/DS-ST

Ngày: 11-8-2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hiếu Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Hoàng Việt.
- Ông Võ Văn Hưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1164/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 749/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 547/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty Cổ phần J (trước đây là Công ty Cổ phần J)

Địa chỉ trụ sở: Tầng A, tòa nhà C, số B phố T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng G, tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần J: Ông Ngô Đức P (có mặt).

(Theo Văn bản uỷ quyền số 43707/2026/UQ-XLN-JUPITER ngày 23 tháng 7 năm 2026).

2. Ngân hàng TMCP V1.

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà V, số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng A, tòa nhà A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP V1: Ông Lương Thế V (có đơn xin vắng mặt).

(Theo Văn bản uỷ quyền số 2013/2025/UQ-PLTH2 ngày 05 tháng 11 năm 2025).

- *Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc Á, sinh năm 1964 (vắng mặt).*

Địa chỉ: Số A Á, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 18/9/2025 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (sau đây viết tắt là V2) và Công ty Cổ phần J (sau đây viết tắt là Công ty J); các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của ông Lương Thế V là người đại diện theo uỷ quyền của V2 và ông Ngô Đức P là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần J, nội dung khởi kiện như sau:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và ông Hoàng Ngọc Á có ký với nhau các Hợp đồng tín dụng như sau:

- Theo Hợp đồng cho vay số LD2126305073 ký ngày 20/9/2021, ông Hoàng Ngọc Á vay vốn tại V2 số tiền 64.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: Tính từ ngày tiếp theo của ngày V2 giải ngân vốn vay cho Khách hàng đến ngày 16/09/2024; Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng.

- Theo Hợp đồng cho vay số LN2012213185208 ký ngày 31/12/2020, ông Hoàng Ngọc Á vay vốn tại V2 số tiền 880.000.000 đồng; Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô;

+ Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: FORD, số loại: EVEREST, số khung: MNCAXXMAWALT67126, số máy YMWQALT67126 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 51H - 490.49 bao gồm luôn tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản Thế chấp, thuộc quyền sở hữu của ông Hoàng Ngọc Á.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Hoàng Ngọc Á đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Ngày 30/6/2024, V2 với Công ty Cổ phần J ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER cùng các Phụ lục đính kèm. Theo đó, V2 đồng ý bán và Công ty J đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay là ông Hoàng Ngọc Á (được xác định bằng 90% các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác) phát sinh theo các Hợp đồng cho vay mà ông Hoàng Ngọc Á đã ký kết với V2 (theo tỷ lệ tương đương với khoản nợ chưa bán) tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi giải quyết xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình xử lý khoản vay, V2 và Công ty J đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Hoàng Ngọc Á thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho nguyên đơn tuy nhiên ông Hoàng Ngọc Á không thực hiện. Nay, V2 và Công ty J yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Á phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 11/8/2026 tổng cộng là 1.099.146.364 đồng (Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 658.031.932 đồng; nợ lãi là 441.114.432 đồng), theo tỷ lệ: Công ty J 90% và V2 10%, cụ thể như sau:

1) Tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2012213185208 ký ngày 31/12/2020 là 1.033.549.721 đồng:

- Thanh toán cho Công ty cổ phần J 90% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 930.194.749 đồng.

- Thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 10% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 103.354.972 đồng.

2) Tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LD2126305073 ngày 20 tháng 9 năm 2021 là 65.595.643 đồng:

- Thanh toán cho Công ty cổ phần J 90% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 59.036.079 đồng.

- Thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 10% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 6.559.564 đồng.

Ngoài ra, ông Á phải thanh toán cho Công ty J và V2 số tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 12/8/2026 theo quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Á không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty J và V2 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN2012213185208 ngày 31/12/2020 là xe ô tô nhãn hiệu: FORD, số loại: EVEREST, số khung MNCAXXMAWALT67126, số máy YMWQALT67126 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát số 51H - 490.49 bao gồm luôn tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ.

Nếu giá trị tài sản phát mãi không đủ thanh toán nợ thì ông Á có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Công ty J và V2 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty J vẫn giữ nguyên ý kiến và trình bày như trên.

[2] Bị đơn ông Hoàng Ngọc Á đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V1, Công ty Cổ phần J yêu cầu bị đơn ông Hoàng Ngọc Á trả tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ địa chỉ cư trú của bị đơn tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Ngày 30/6/2024, V2 với Công ty J ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 107/2024/VPB-JUPITER cùng các Phụ lục đính kèm. Theo đó, V2 đồng ý bán và Công ty J đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay là ông Hoàng Ngọc Á (*được xác định bằng 90% các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác*) phát sinh theo các Hợp đồng cho vay mà ông Hoàng Ngọc Á đã ký kết với V2 (theo tỷ lệ tương đương với khoản nợ chưa bán) tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi giải quyết xong toàn bộ khoản nợ.

Vụ án dân sự đang được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm mà đương sự thực hiện việc mua bán khoản nợ xấu, thì căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Căn cứ Hợp đồng mua bán nợ số 107/2024/VPB-JUPITER ngày 30/6/2024, xác định Công ty J là người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của V2.

Căn cứ Văn bản ủy quyền số 2013/2025/UQ-PLTH2 ngày 05 tháng 11 năm 2025 thì ông Lương Thế V được đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 tham gia tố tụng.

Căn cứ Văn bản ủy quyền số 43707/2026/UQ-XLN-JUPITER ngày 23 tháng 7 năm 2026 ông Ngô Đức P được đại diện Công ty J tham gia tố tụng.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn ông Hoàng Ngọc Á đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Á.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét, Hợp đồng cho vay số LD2126305073 ký ngày 20/9/2021 và LN2012213185208 ký ngày 31/12/2020 ký kết giữa V2 với ông Hoàng Ngọc Á có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét, Hợp đồng mua bán nợ số 107/2024/VPB-JUPITER ngày 30/6/2024 cùng các Phụ lục đính kèm ký kết giữa V2 với Công ty J được giao kết trên sự tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, V2 đồng ý bán và Công ty J đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay là ông Hoàng Ngọc Á (*được xác định bằng 90% các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác*) phát sinh theo các Hợp đồng cho vay mà ông Hoàng Ngọc Á đã ký kết với V2 (theo tỷ lệ tương đương với khoản nợ chưa bán) tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho đến khi giải quyết xong toàn bộ khoản nợ. Như vậy, V2 đã chuyển giao một phần quyền sở hữu, quyền lợi, lợi ích của V2 đối với khoản vay của Hợp đồng cho vay số LD2126305073 ký ngày 20/9/2021 và LN2012213185208 ký ngày 31/12/2020 cho Công ty J. Kể từ ngày hợp đồng mua bán nợ có hiệu lực, Công ty J đã xác lập được quyền sở hữu đối với tài sản mua theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc, tiền lãi:

[2.3.1] Xét lời khai của nguyên đơn về việc bị đơn còn nợ số tiền gốc tổng cộng là 658.031.932 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản. Một bên đương sự không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Ông Á đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, trong đó có ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa

án, nhưng ông Á không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện sự phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cũng như không có văn bản trình bày về số tiền đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến, yêu cầu, nguyện vọng (nếu có) của ông Á. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ của Ngân hàng đã cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Căn cứ Hợp đồng cho vay số LD2126305073 ký ngày 20/9/2021 và LN2012213185208 ký ngày 31/12/2020; các sao kê, các Thông báo của ngân hàng do nguyên đơn nộp cho Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai của nguyên đơn.

[2.3.2] Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Do vậy, việc hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 19%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là không trái quy định của pháp luật.

Theo khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*”. Do ông Á không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, nên nguyên đơn ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn là có cơ sở chấp nhận. Nay ông Á chưa trả đầy đủ nợ gốc và lãi vay cho nguyên đơn đã ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Á thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 11/8/2026, tổng cộng là 441.114.432 đồng.

[2.3.3] Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 1 của Hợp đồng mua bán nợ số 107/2024/VPB-JUPITER cùng các Phụ lục đính kèm ngày 30/6/2024 giữa V2 với Công ty J, khoản nợ của ông Á được chia theo tỷ lệ Công ty J là 90% và V2 là 10%, cụ thể như sau:

1) Tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2012213185208 ký ngày 31/12/2020 là 1.033.549.721 đồng:

- Thanh toán cho Công ty cổ phần J 90% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 930.194.749 đồng.

- Thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 10% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 103.354.972 đồng.

2) Tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LD2126305073 ngày 20 tháng 9 năm 2021 là 65.595.643 đồng:

- Thanh toán cho Công ty cổ phần J 90% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 59.036.079 đồng.

- Thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 10% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 6.559.564 đồng.

[2.3.4] Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Xét, Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2012213185208 ký ngày 31/12/2020 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật; giao dịch thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định, nên hợp đồng thế chấp đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự quy định về việc xử lý tài sản bảo đảm, theo đó: *“đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*.

Theo khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự quy định bên nhận thế chấp có quyền: *“xử lý tài sản thế chấp khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ Luật này”*.

Căn cứ Hợp đồng thế chấp quy định trường hợp ông Á vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Xét thấy, kể từ ngày giải ngân đến nay ông Á không thực hiện nghĩa vụ đầy đủ đối với Bên cho vay đã làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ khoản 1 Điều 299; khoản 7 Điều 323; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Hoàng Ngọc Á thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 và Cổ phần J AMC tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN2012213185208 ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Hợp đồng cho vay ngày 20 tháng 9 năm 2021, tính đến ngày 11/8/2026 tổng cộng là 1.099.146.364 đồng (Trong đó bao gồm: Nợ gốc là 658.031.932 đồng; nợ lãi là 441.114.432 đồng), theo tỷ lệ: Công ty J 90% và V2 10%, cụ thể như sau:

1) Tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2012213185208 ký ngày 31/12/2020 là 1.033.549.721 đồng:

- Thanh toán cho Công ty cổ phần J 90% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 930.194.749 đồng.

- Thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 10% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 103.354.972 đồng.

2) Tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LD2126305073 ngày 20 tháng 9 năm 2021 là 65.595.643 đồng:

- Thanh toán cho Công ty cổ phần J 90% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 59.036.079 đồng.

- Thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 10% số tiền nợ của hợp đồng nêu trên, tương ứng với số tiền tổng cộng là 6.559.564 đồng.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

1.2. Sau khi ông Hoàng Ngọc Á thanh toán hết số nợ trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần V1; Công ty J có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản bảo đảm đã thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu: FORD, số loại: EVEREST, số khung MNCAXXMAWALT67126, số máy YMWQALT67126 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Ngọc Á, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 51H - 490.49 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020.

1.3. Trường hợp ông Hoàng Ngọc Á không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V1; Công ty J có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2012213185208 ký ngày 31/12/2020 là 01 xe ô tô nhãn hiệu: FORD, số loại: EVEREST, số khung MNCAXXMAWALT67126, số máy YMWQALT67126 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Ngọc Á, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 51H - 490.49 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020

Sau khi trừ đi các khoản chi phí theo quy định của pháp luật, số tiền phát mãi được dùng để thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1; Công ty J. Trường hợp còn dư thì hoàn lại cho ông Hoàng Ngọc Á, nếu không đủ thì ông Hoàng Ngọc Á tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1; Công ty J cho đến khi hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 44.974.391 đồng: Ông Hoàng Ngọc Á chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.370.158 đồng (*hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, một trăm năm mươi tám đồng*), theo biên lai thu tiền số 0036316 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.798.853 đồng (*Mười tám triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi ba đồng*), theo biên lai thu tiền số 0036319 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án được thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án đối với các đương sự có mặt tại phiên tòa; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hiếu Thuận